

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173a/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 25 - 11 - 2021

V/v xin ly hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc H  
và anh Trần Tiến N

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Biên.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đàm Văn Kiều.

2. Bà Dương Thị Vui.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Quang Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021, giữa:

\* *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số nhà 14, ngõ 41, đường Xuân Diệu, khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

\* *Bị đơn:* Anh Trần Tiến N, sinh năm 1997; Địa chỉ: xóm 1, xã Nam Điền, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt anh N, vắng mặt chị H có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện cũng như lời khai của chị H tại các buổi làm việc và tại phiên tòa thể hiện: Chị và anh Trần Tiến N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện,

đăng ký kết hôn ngày 19/09/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Điền, huyện N. Sau thời gian chung sống, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không còn hoà hợp trong cuộc sống, không thống nhất quan điểm, hay cãi vã và nghi ngờ đối phương. Mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân một thời gian dài. Vợ chồng đã nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin ly hôn anh N.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có một con chung là Trần Phạm Tiến Nhật, sinh ngày 27/10/2018. Hiện cháu Nhật đang ở với anh N. Sau khi ly hôn, chị H xin trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, anh N có lời khai thể hiện: Anh N đồng ý với ý kiến của chị H về quá trình kết hôn. Vợ chồng quen nhau khi cùng làm việc, học tập bên Nhật, sau đó về đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Điền, huyện N. Sau đó hai vợ chồng lại sang Nhật sinh sống. Được khoảng 06 tháng thì vợ sinh con và mang về gửi ông bà nội ở nhà trông. Vợ chồng lại tiếp tục sang Nhật làm ăn đến tháng 10/2019 thì về. Trong quá trình sinh sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Từ đầu năm 2020, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, từ đó hai vợ chồng sống ly thân, không gặp nhau. Nay anh Tiến xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung: Anh Tiến cũng xác định vợ chồng có một con chung là Trần Phạm Tiến Nhật, sinh ngày 27/10/2018. Hiện cháu Nhật đang do anh nuôi dưỡng. Cháu Nhật sinh sống cùng gia đình ổn định từ trước đến giờ nên sau khi ly hôn, anh N xin trực tiếp nuôi cháu Nhật để không làm xáo trộn cuộc sống và sự phát triển của cháu Nhật và không yêu cầu chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh N cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận đơn khởi kiện của chị H: xử thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc H và anh Trần Tiến N; xử giao con chung là cháu Trần Phạm Tiến Nhật, sinh ngày 27/10/2018 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung; áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nghị quyết 326/2016/UBTVQH/14, đề nghị Tòa án tuyên án phí theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành mở phiên toà xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị H, anh N trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 18/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Điền, huyện N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị H và anh N có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến vợ chồng đã ly thân một thời gian dài. Vợ chồng đã nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị H đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh N và anh N cũng đồng ý ly hôn nên xử thuận tình ly hôn giữa chị H và anh N là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh N có một con chung Trần Phạm Tiến Nhật, sinh ngày 27/10/2018. Hiện cháu Nhật đang ở cùng anh N. Chị H, anh N đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung. Xét thấy, cháu Nhật ở cùng với anh N và gia đình từ nhỏ, hiện cháu đang học trường mầm non khu A xã Nam Điền, vẫn đang đi học và phát triển bình thường nên tiếp tục giao con chung là cháu Nhật cho anh Tiến nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần của cháu Nhật theo Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh N không yêu cầu chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N.

[4] Về tài sản chung: Chị H, anh N không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Xử thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc H và anh Trần Tiến N.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Tiến N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Phạm Tiến Nhật, sinh ngày 27/10/2018; chị H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N.

Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số AA/2019/0004177 ngày 05/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt anh N; vắng mặt chị H. Anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

**Nơi nhận:**

- Toà án Tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện N: 02 bản
- THADS huyện N: 01 bản
- UBND xã Nam Điền: 01 bản
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Bùi Văn Biền**

